TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tố Nữ

2. Bà Bùi Diệu Huệ

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Cương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 937/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Như Ng, sinh năm: 1992
Hộ khẩu thường trú: Thôn TA, xã VG, huyện VL, tỉnh QT.
Tạm trú: 67 Cầu Kinh, khu phố 4, phường TT A, quận BT, TPHCM.
2. Bị đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm: 1988
Hộ khẩu thường trú: Thôn CM, xã VG, huyện VL, tỉnh QT.
Tạm trú: 67 Cầu Kinh, khu phố 4, phường TT A, quận BT, TPHCM.
(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của Bà Phạm Thị Như Ng và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Bà Phạm Thị Như Ng trình bày: bà và Ông Lê Quang H chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2014, cấp ngày 06/10/2010 của Ủy ban nhân dân xã VG, huyện VL, tỉnh QT. Trong quá trình chung sống, vợ chồng

bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, một phần do bà Ng không thường xuyên liên lạc với mẹ chồng, nên ông H kiếm chuyện và cãi nhau với bà. Hai bên sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay nhưng không thể hàn gắn được, ông H không có bất cứ hành động nào để đoàn tụ gia đình. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với Ông Lê Quang H.

- Về con chung: có 01 (một) con chung tên Lê Phạm Hoàng Y, sinh ngày 04/4/2016. Bà Ng yêu cầu được nuôi cháu Yến. Bà Ng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Ng khai không có.

Bị đơn Ông Lê Quang H: bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà Phạm Thị Như Ng có đơn xin vắng mặt. Ông Lê Quang H vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận BT, TPHCM phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Phạm Thị Như Ng đối với Ông Lê Quang H. Giao con chung cho bà Ng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng theo như yêu cầu của bà Ng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Bà Ng khai không có, ông H không yêu cầu xem xét, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án***: Bà Phạm Thị Như Ng và Ông Lê Quang H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2014, cấp ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã VG, huyện VL, tỉnh QT, bà Ng có yêu cầu xin ly hôn với Ông Lê Quang H đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn là Ông Lê Quang H cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận BT,

TPHCM theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] ***Về thủ tục tố tụng***: Nguyên đơn là Bà Phạm Thị Như Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là Ông Lê Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn - ông H đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] ***Về nội dung***: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2014, cấp ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã VG, huyện VL, tỉnh QT cùng lời khai của bà Ng về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Ng và ông H là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Ng có yêu cầu ly hôn với ông H vì giữa bà Ng và ông H trong quá trình sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay mà không thể hàn gắn được, ông H không có bất cứ hành động nào để đoàn tụ gia đình. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với Ông Lê Quang H để ổn định cuộc sống.

Đối với Ông Lê Quang H, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa để làm việc, nhưng ông H không đến Tòa và không có ý kiến gì về yêu cầu của bà Ng. Cho thấy ông H không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và không có thiện chí hàn gắn gia đình. Điều này cho thấy, ông H đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Ng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông H đã diễn ra trầm trọng. Không có khả năng hàn gắn gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: bà Ng và ông H có 01 (một) con chung tên Lê Phạm Hoàng Y, sinh ngày 04/4/2016. Bà Ng yêu cầu được nuôi trẻ Yến. Xét thời gian hai bên

sống ly thân trẻ Yến đã sống gắn bó tình cảm với bà Ng nên môi trường sống và sinh hoạt đã ổn định, không nên làm xáo trộn cuộc sống của trẻ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Ng được tiếp tục nuôi trẻ Yến.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Ng tự khai không có.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Như Ng phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Phạm Thị Như Ng đối với Ông Lê Quang H.

Giấy chứng nhận kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2014, cấp ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: 01 (một) con chung tên Lê Phạm Hoàng Y, sinh ngày 04/4/2016. Giao trẻ Lê Phạm Hoàng Y cho Bà Phạm Thị Như Ng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Phạm Thị Như Ng không yêu cầu Ông Lê Quang H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Như Ng khai không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà Phạm Thị Như Ng phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Ng đã nộp theo biên lai thu số 0029604 ngày 28/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ng đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
-Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
-Các đương sự;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết